



Bài báo nghiên cứu

**THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
HỌC SINH GIỮA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM VÀ CHA MẸ HỌC SINH
TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
Ở THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

Dư Thống Nhất^{1}, Dương Nguyên Quốc²*

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam

^{*}Tác giả liên hệ: Dư Thống Nhất – Email: nhatdt@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 23-6-2021; ngày nhận bài sửa: 23-3-2022; ngày duyệt đăng: 30-5-2022

TÓM TẮT

Giáo dục đạo đức học sinh (GDĐĐHS) là một trong những nhiệm vụ quan trọng của giáo dục phổ thông. Để giáo dục đạo đức học sinh hiệu quả thì công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình là không thể thiếu. Vì vậy, tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh tại các trường trung học cơ sở là cần thiết. Bài viết trình bày thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giáo dục đạo đức học sinh giữa giáo viên chủ nhiệm (GVCN) trường trung học cơ sở (THCS) với cha mẹ học sinh (CMHS) tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Kết quả nghiên cứu cho thấy bốn chức năng quản lý được đánh giá kết quả thực hiện đều ở mức độ khá và tốt.

Từ khóa: phối hợp; học sinh trung học cơ sở; quản lý; giáo dục đạo đức

1. Đặt vấn đề

Phối hợp giáo dục học sinh giữa nhà trường và gia đình là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục (Ministry of Education and Training, 2018a, b; Ministry of Education and Training, 2020; Congress, 2019), là hoạt động gắn liền với nguyên lý giáo dục: học đi đôi với hành, lí luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với gia đình và xã hội (The central executive committee of the Communist Party of Vietnam, 2013). Nhà trường và gia đình là hai lực lượng giáo dục nòng cốt tác động trực tiếp, mang tính quyết định đến kết quả học tập, rèn luyện và việc hình thành, phát triển nhân cách của học sinh. Nhà trường, mà cụ thể là GVCN cần chủ động và thường xuyên tổ chức các hoạt động phối hợp chặt chẽ với CMHS để thống nhất mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục học sinh. “Gia đình có trách nhiệm kết hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình” (The central executive committee of the

Cite this article as: Du Thong Nhat, & Duong Nguyen Quoc (2022). The current situation of management of collaboration for moral education between homeroom teachers and students' parents at Junior High schools in Tan An city, Long An province. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(5), 806-816.

Communist Party of Vietnam, 2013). Do đó, muốn chất lượng giáo dục đạt kết quả cao thì công tác quản lý hoạt động phối hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình trở thành một nội dung trọng tâm của quản lý nhà trường.

Trong những năm qua, công tác quản lý hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS thuộc các trường THCS tại thành phố Tân An đã có những cải tiến đáng kể, tuy nhiên, trước những yêu cầu của việc đổi mới giáo dục phổ thông, công tác này còn bộc lộ nhiều bất cập trong các khâu quản lý. Những hạn chế này đã ảnh hưởng nhất định đến chất lượng giáo dục ở các trường. Việc đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS thuộc các trường THCS tại thành phố Tân An là cơ sở quan trọng cho việc xác lập các biện pháp quản lý phù hợp giữa GVCN và CMHS nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho học sinh.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Quản lý hoạt động phối hợp GDĐĐHS

Quản lý hoạt động giáo dục là một trong bảy nội dung cơ bản của quản lý nhà trường nhằm mục đích hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh (Dang & Nguyen, 2011). Giống như các hoạt động quản lý khác trong nhà trường, quản lý hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS tại các trường THCS bao gồm bốn chức năng cơ bản, đó là: Lập kế hoạch, Tổ chức, Chỉ đạo và Kiểm tra, đánh giá (Tran & Nguyen, 2012). Các chức năng này có mối tương quan mật thiết với nhau tạo thành quá trình quản lý chặt chẽ.

Chức năng lập kế hoạch: là chức năng soạn thảo và thông qua những quyết định về chủ trương quản lý quan trọng trong hoạt động phối hợp GDĐĐHS. Trên cơ sở phân tích tình hình, lấy ý kiến các bên liên quan, dự trù các nguồn lực cũng như điều kiện thực tiễn của nhà trường để đưa ra các mục tiêu, những phương hướng kế hoạch phù hợp và có tính khả thi cao cho việc thực hiện hoạt động phối hợp GDĐĐHS (Tran & Nguyen, 2012; Tang, 2016; Nguyen, 2021).

Chức năng tổ chức thực hiện: là chức năng tiến hành các hoạt động để thực hiện chủ trương, kế hoạch, các quyết định về phối hợp GDĐĐHS bằng cách ban hành các văn bản chỉ đạo, phân công, sắp xếp, tư vấn, bồi dưỡng giáo viên về hoạt động phối hợp GDĐĐHS (Tran & Nguyen, 2012; Tang, 2016; Nguyen, 2021).

Chức năng lãnh đạo, chỉ đạo: là chức năng hướng dẫn, động viên, khuyến khích, giải thích, điều hành, điều khiển, tác động, huy động và giúp đỡ những cán bộ dưới quyền thực hiện những nhiệm vụ được phân công nhằm thực hiện được các mục tiêu của nhà trường (Tran & Nguyen, 2012; Tang, 2016; Nguyen, 2021).

Chức năng kiểm tra, đánh giá: là chức năng thực hiện việc giám sát tình hình thực hiện hoạt động phối hợp GDĐĐHS, đối chiếu với yêu cầu đã đề ra để có cơ sở đánh giá, kịp thời điều chỉnh các hoạt động khi cần thiết nhằm cải thiện các hoạt động đó (Tran & Nguyen, 2012; Tang, 2016; Nguyen, 2021).

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu

Với mục đích xác định thực trạng quản lý hoạt động phối hợp GDĐHHS giữa GVCN và CMHS thuộc các trường THCS tại thành phố Tân An, nhóm nghiên cứu đã xây dựng bộ công cụ là bảng hỏi dựa trên lý thuyết về quản lý nhà trường bao gồm bốn chức năng: (1) Lập kế hoạch; (2) Tổ chức; (3) Chỉ đạo; (4) Kiểm tra, đánh giá (Tran & Nguyen, 2012). Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Bảng hỏi bao gồm hai phần: (1) Các thông tin chung của đối tượng khảo sát; (2) Bốn câu hỏi về thực trạng quản lý. Câu hỏi thứ nhất về thực trạng lập kế hoạch hoạt động phối hợp giáo dục giữa GVCN và CMHS có 06 biến quan sát, $\alpha = 0,848$; Câu hỏi thứ hai về thực trạng tổ chức hoạt động phối hợp giáo dục giữa GVCN và CMHS có 06 biến quan sát, $\alpha = 0,863$; Câu hỏi thứ ba về thực trạng chỉ đạo hoạt động phối hợp giáo dục giữa GVCN và CMHS có 06 biến quan sát, $\alpha = 0,858$; Câu hỏi cuối cùng là về thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giáo dục giữa GVCN và CMHS có 06 biến quan sát, $\alpha = 0,845$. Bộ công cụ có tổng cộng 24 câu hỏi. Các câu hỏi được đo bởi thang đo định khoảng với bốn mức: 1 = Yếu; 2 = Trung bình; 3 = Khá; 4 = Tốt.

2.2.2. Mẫu nghiên cứu

Số liệu được thu thập bằng phương pháp lấy mẫu thuận tiện trên cán bộ quản lý, giáo viên và CMHS thuộc 6 trường THCS tại thành phố Tân An, tỉnh Long An, bao gồm: Cần Đốt, Trần Phú, Lý Tự Trọng, Nhựt Tảo, Hướng Thọ Phú, Thống Nhất. Số phiếu phát ra là 150, lượng phiếu thu về sau khi loại bỏ những phiếu trả lời không hợp lệ còn 117 phiếu, đạt 78%.

Tổng mẫu nghiên cứu được phân bố *theo chức danh*: 26 cán bộ quản lý (1 hiệu trưởng, 4 phó hiệu trưởng, 6 tổ trưởng và 15 tổ phó; chiếm 22,2%), 79 giáo viên (chiếm 67,5%), 12 CMHS (chiếm 10,3%); *theo giới tính*: nam có 36 người (chiếm 30,8%), nữ có 73 người (chiếm 62,4%), và 8 dữ liệu khuyết (chiếm 6,8%); *theo khu vực trường tọa lạc*: 61 giáo viên nội thành (chiếm 52,1%), 44 giáo viên ngoại thành (chiếm 37,6%), và 12 dữ liệu khuyết (chiếm 10,3%); *theo thâm niên*: 6 giáo viên công tác từ 1 đến 5 năm (chiếm 5,1%), 9 giáo viên công tác từ 6 đến 10 năm (chiếm 7,7%), 23 giáo viên công tác từ 11 đến 15 năm (chiếm 19,7%), 63 giáo viên công tác trên 15 năm (chiếm 53,8%), và 16 dữ liệu khuyết (chiếm 13,7%); *theo lớp chủ nhiệm*: 22 GVCN lớp 6 (chiếm 18,8%), 16 GVCN lớp 7 (chiếm 13,7%), 20 GVCN lớp 8 (chiếm 17,1%), 16 GVCN lớp 9 (chiếm 13,7%), và 43 dữ liệu khuyết (chiếm 36,7%).

2.2.3. Cách xử lý số liệu

Dữ liệu sau khi thu thập được nhập vào phần mềm thống kê ứng dụng mở (R) để phân tích. Các phép tính tần số (TS), phần trăm (%), điểm trung bình (\bar{X}) và độ lệch chuẩn (s) được dùng để tính các thông số cho các biến quan sát; hệ số tin cậy (Cronbach's alpha, α) được sử dụng để kiểm định độ tin cậy của thang đo, và hệ số tương quan điểm số (Pearson) được dùng để xác định mối quan hệ tương quan giữa các biến số. Tương ứng với từng biến quan sát, các giá trị tiêu cực nhất được cho 1 điểm và giá trị tích cực nhất được cho 4 điểm. Cách tính điểm cho các khoảng trung bình: (Điểm cao nhất – Điểm thấp nhất)/Điểm cao

nhất. Biến quan sát nào có khoảng điểm trung bình từ 1,00-1,75 = Yếu; từ 1,76-2,50 = Trung bình; từ 2,51-3,25 = Khá; từ 3,26-4 = Tốt. Hệ số tương quan là một giá trị biến thiên trong khoảng -1 đến +1, nếu $r = -1$ thể hiện mối tương quan nghịch, còn $r = +1$ thể hiện mối tương quan thuận. Kích thước của một hệ số tương quan như sau: 0,90->1,00: sự liên hệ rất cao/mạnh; 0,70->0,89: sự liên hệ cao/mạnh; 0,50->0,69: sự liên hệ ở mức trung bình; 0,30->0,49: sự liên hệ ở mức độ thấp; 0,00->0,29: sự liên hệ không đáng kể, có thể do ngẫu nhiên (Hinkle & Jurs, 2003).

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS

Theo Bảng 1, cán bộ quản lí, giáo viên và CMHS các trường THCS tại Tân An tự đánh giá kết quả lập kế hoạch hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS ở mức độ khá ($\bar{X} = 3,19, s = 0,61$). Đây là chức năng được xếp thứ ba trong bốn chức năng quản lí. Trong đó, có ba hoạt động được đánh giá ở mức tốt và ba hoạt động được đánh giá ở mức khá. Các hoạt động được đánh giá ở mức tốt là: “Phân tích tình hình cụ thể của từng lớp để xây dựng kế hoạch phối hợp” ($\bar{X} = 3,28, s = 0,66$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 36,8% tốt, 53,0% khá, 6,0% trung bình, 1,7% yếu; “Xác định tính hợp pháp của các hoạt động phối hợp giáo dục” ($\bar{X} = 3,27, s = 0,64$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 35,9% tốt, 52,1% khá, 7,7% trung bình, 0,9% yếu; “Xây dựng các điều kiện cần thiết cho hoạt động phối hợp” ($\bar{X} = 3,27, s = 0,70$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 37,6% tốt, 47,9% khá, 8,5% trung bình, 1,7% yếu. Các hoạt động được đánh giá ở mức khá là: “Căn cứ năng lực của giáo viên để xây dựng kế hoạch phối hợp” ($\bar{X} = 3,21, s = 0,73$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 35,0% tốt, 49,6% khá, 9,4% trung bình, 2,6% yếu; “Lấy ý kiến dân chủ để hoàn thiện bảng kế hoạch phối hợp” ($\bar{X} = 3,20, s = 0,85$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 39,3% tốt, 44,4% khá, 6,0% trung bình, 6,8% yếu; “Dự trù hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động phối hợp” ($\bar{X} = 3,09, s = 0,83$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 32,5% tốt, 44,4% khá, 13,7% trung bình, 5,1% yếu.

Như vậy, chức năng lập kế hoạch hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS thuộc các trường THCS tại thành phố Tân An hiện nay ở mức khá. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận khách thể khảo sát đánh giá thấp các hoạt động lần lượt như sau: “Dự trù hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động phối hợp” (chiếm 18,8%); “Lấy ý kiến dân chủ để hoàn thiện bảng kế hoạch phối hợp” (chiếm 12,8%); “Căn cứ năng lực của giáo viên để xây dựng kế hoạch phối hợp” (chiếm 12,0%); “Xây dựng các điều kiện cần thiết cho hoạt động phối hợp” (chiếm 10,2%); “Xác định tính hợp pháp của các hoạt động phối hợp giáo dục” (chiếm 8,6%) và “Phân tích tình hình cụ thể của từng lớp để xây dựng kế hoạch phối hợp” (chiếm 7,7%). Vì vậy, cần phải có biện pháp để công tác lập kế hoạch thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

Bảng 1. Kết quả lập kế hoạch hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS

Lập kế hoạch	n	Yếu TS (%)	TB TS (%)	Khá TS (%)	Tốt TS (%)	\bar{X} (s)	TH
1. Phân tích tình hình cụ thể của từng lớp để xây dựng kế hoạch phối hợp	114	2 (1,7)	7 (6,0)	62 (53,0)	43 (36,8)	3,28 (0,66)	1
2. Lấy ý kiến dân chủ để hoàn thiện bảng kế hoạch phối hợp	113	8 (6,8)	7 (6,0)	52 (44,4)	46 (39,3)	3,20 (0,85)	5
3. Căn cứ năng lực của giáo viên để xây dựng kế hoạch phối hợp	113	3 (2,6)	11 (9,4)	58 (49,6)	41 (35,0)	3,21 (0,73)	4
4. Xác định tính hợp pháp của các hoạt động phối hợp giáo dục	113	1 (0,9)	9 (7,7)	61 (52,1)	42 (35,9)	3,27 (0,64)	2
5. Xây dựng các điều kiện cần thiết cho hoạt động phối hợp	112	2 (1,7)	10 (8,5)	56 (47,9)	44 (37,6)	3,27 (0,70)	2
6. Dự trù hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động phối hợp	112	6 (5,1)	16 (13,7)	52 (44,4)	38 (32,5)	3,09 (0,83)	6
Điểm trung bình chung						3,19 (0,61)	

Chú thích: TB= Trung bình, TS= Tần số, \bar{X} = Điểm trung bình, s = Độ lệch chuẩn, TH= Thứ hạng

2.3.2. Thực trạng tổ chức hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS

Theo Bảng 2, kết quả tự đánh giá về tổ chức hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS đạt mức độ tốt ($\bar{X} = 3,29, s = 0,57$). Đây là chức năng được xếp cao nhất trong bốn chức năng quản lí. Trong đó, có ba hoạt động được đánh giá ở mức tốt và ba hoạt động được đánh giá ở mức khá. Các hoạt động được đánh giá ở mức tốt là: “Phân công trách nhiệm cụ thể cho GVCN” ($\bar{X} = 3,53, s = 0,62$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 54,7% tốt, 35,0% khá, 3,4% trung bình, 0,9% yếu; “Phân tích rõ yêu cầu cần phải thực hiện cho GVCN” ($\bar{X} = 3,44, s = 0,67$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 50,4% tốt, 34,2% khá, 9,4% trung bình; “Triển khai hoạt động phối hợp trong các cuộc họp hội đồng nhà trường” ($\bar{X} = 3,41, s = 0,65$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 47,0% tốt, 41,0% khá, 6,0% trung bình, 0,9% yếu. Các hoạt động được đánh giá ở mức khá là: “Ban hành văn bản quy định về hoạt động phối hợp giáo dục” ($\bar{X} = 3,20, s = 0,83$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 38,5% tốt, 39,3% khá, 11,1% trung bình, 4,3% yếu; “Tư vấn cách xử lí các tình huống trong công tác phối hợp cho GVCN” ($\bar{X} = 3,13, s = 0,75$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 30,8% tốt, 48,7% khá, 13,7% trung bình, 2,6% yếu; “Tổ chức thảo luận rút kinh nghiệm về kĩ năng phối hợp cho GVCN” ($\bar{X} = 3,03, s = 0,84$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 28,2% tốt, 47,0% khá, 13,7% trung bình, 6,0% yếu.

Như vậy, chức năng tổ chức hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS thuộc các trường THCS tại thành phố Tân An hiện nay ở mức khá. Tuy nhiên, vẫn còn một

bộ phận khách thể khảo sát đánh giá thấp các hoạt động lần lượt như sau: “Tổ chức thảo luận rút kinh nghiệm về kỹ năng phối hợp cho GVCN” (chiếm 19,7%), “Tur vấn cách xử lí các tình huống trong công tác phối hợp cho GVCN” (chiếm 16,3%), “Ban hành văn bản quy định về hoạt động phối hợp giáo dục” (chiếm 15,4%), “Phân tích rõ yêu cầu cần phải thực hiện cho GVCN” (chiếm 9,4%), “Triển khai hoạt động phối hợp trong các cuộc họp hội đồng nhà trường” (chiếm 5,9%) và “Phân công trách nhiệm cụ thể cho GVCN” (chiếm 4,3%). Vì vậy, cần phải có hoạt động để công tác tổ chức thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

Bảng 2. Kết quả tổ chức hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS

Tổ chức	n	Yếu TS (%)	TB TS (%)	Khá TS (%)	Tốt TS (%)	\bar{X} (s)	TH
1. Ban hành văn bản quy định về hoạt động phối hợp giáo dục	109	5 (4,3)	13 (11,1)	46 (39,3)	45 (38,5)	3,20 (0,83)	4
2. Phân công trách nhiệm cụ thể cho GVCN	110	1 (0,9)	4 (3,4)	41 (35,0)	64 (54,7)	3,53 (0,62)	1
3. Phân tích rõ yêu cầu cần phải thực hiện cho GVCN	110	-	11 (9,4)	40 (34,2)	59 (50,4)	3,44 (0,67)	2
4. Tổ chức thảo luận rút kinh nghiệm về kỹ năng phối hợp cho GVCN	111	7 (6,0)	16 (13,7)	55 (47,0)	33 (28,2)	3,03 (0,84)	6
5. Tur vấn cách xử lí các tình huống trong công tác phối hợp cho GVCN	112	3 (2,6)	16 (13,7)	57 (48,7)	36 (30,8)	3,13 (0,75)	5
6. Triển khai hoạt động phối hợp trong các cuộc họp hội đồng nhà trường	111	1 (0,9)	7 (6,0)	48 (41,0)	55 (47,0)	3,41 (0,65)	3
Điểm trung bình chung						3,29 (0,57)	

Chú thích: TB= Trung bình, TS= Tần số, \bar{X} = Điểm trung bình, s = Độ lệch chuẩn, TH= Thứ hạng

2.3.3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS

Theo Bảng 3, kết quả tự đánh giá về chỉ đạo hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS đạt mức độ khá ($\bar{X} = 3,16, s = 0,62$). Đây là chức năng được xếp thấp nhất trong bốn chức năng quản lí. Trong đó, có một hoạt động được đánh giá ở mức tốt và năm hoạt động được đánh giá ở mức khá. Hoạt động được đánh giá ở mức tốt là: “Chỉ rõ các nội dung, cách thực hiện buổi hội nghị CMHS cho GVCN” ($\bar{X} = 3,48, s = 0,63$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 53,0% tốt, 35,9% khá, 6,8% trung bình. Các hoạt động được đánh giá ở mức khá là: “Động viên GVCN gặp khó khăn khi giải quyết các tình huống phối hợp” ($\bar{X} = 3,22, s = 0,77$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 38,5% tốt, 12,0% trung bình, 2,6% yếu; “Giải thích tầm quan trọng của việc phối hợp cho GVCN” ($\bar{X} = 3,22, s = 0,72$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 35,9% tốt, 44,4% khá, 13,7% trung bình, 0,9% yếu;

“Khuyến khích GVCN đề xuất các hoạt động phối hợp hiệu quả” ($\bar{X} = 3,20, s = 0,76$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 37,6% tốt, 40,2% khá, 17,1% trung bình, 0,9% yếu; “Hướng dẫn cách thiết lập mối quan hệ gần gũi với CMHS cho GVCN” ($\bar{X} = 3,11, s = 0,69$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 25,6% tốt, 56,4% khá, 10,3% trung bình, 2,6% yếu; “Hướng dẫn kỹ năng lập kế hoạch phối hợp cho GVCN” ($\bar{X} = 3,04, s = 0,79$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 25,6% tốt, 51,3% khá, 12,0% trung bình, 5,1% yếu.

Như vậy, chức năng tổ chức hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS thuộc các trường THCS tại thành phố Tân An hiện nay ở mức khá. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận khách thể khảo sát đánh giá thấp các hoạt động lần lượt như sau: “Khuyến khích GVCN đề xuất các hoạt động phối hợp hiệu quả” (chiếm 18,0%), “Hướng dẫn kỹ năng lập kế hoạch phối hợp cho GVCN” (chiếm 17,1%), “Động viên GVCN gặp khó khăn khi giải quyết các tình huống phối hợp” (chiếm 14,6%), “Giải thích tầm quan trọng của việc phối hợp cho GVCN” (chiếm 14,6%), “Hướng dẫn cách thiết lập mối quan hệ gần gũi với CMHS cho GVCN” (chiếm 12,9%) và “Chỉ rõ các nội dung, cách thực hiện buổi hội nghị CMHS cho GVCN” (chiếm 6,8%). Vì vậy, cần phải có biện pháp để công tác chỉ đạo thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

Bảng 3. Kết quả chỉ đạo hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS

Chỉ đạo	n	Yếu TS (%)	TB TS (%)	Khá TS (%)	Tốt TS (%)	\bar{X} (s)	TH
1. Chỉ rõ các nội dung, cách thực hiện buổi hội nghị CMHS cho GVCN	112	-	8 (6,8)	42 (35,9)	62 (53,0)	3,48 (0,63)	1
2. Hướng dẫn cách thiết lập mối quan hệ gần gũi với CMHS cho GVCN	111	3 (2,6)	12 (10,3)	66 (56,4)	30 (25,6)	3,11 (0,69)	5
3. Hướng dẫn kỹ năng lập kế hoạch phối hợp cho GVCN	110	6 (5,1)	14 (12,0)	60 (51,3)	30 (25,6)	3,04 (0,79)	6
4. Động viên GVCN gặp khó khăn khi giải quyết các tình huống phối hợp	112	3 (2,6)	14 (12,0)	50 (42,7)	45 (38,5)	3,22 (0,77)	2
5. Khuyến khích GVCN đề xuất các biện pháp phối hợp hiệu quả	112	1 (0,9)	20 (17,1)	47 (40,2)	44 (37,6)	3,20 (0,76)	4
6. Giải thích tầm quan trọng của việc phối hợp cho GVCN	111	1 (0,9)	16 (13,7)	52 (44,4)	42 (35,9)	3,22 (0,72)	2
Điểm trung bình chung						3,16 (0,62)	

Chú thích: TB= Trung bình, TS= Tần số, \bar{X} = Điểm trung bình, s = Độ lệch chuẩn, TH = Thứ hạng.

2.3.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS

Bảng 4. Kết quả kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS

Kiểm tra, đánh giá	n	Yếu TS (%)	TB TS (%)	Khá TS (%)	Tốt TS (%)	\bar{X} (s)	TH
1. Giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp với CMHS	111	-	16 (13,7)	58 (49,6)	37 (31,6)	3,19 (0,67)	5
2. Lắng nghe ý kiến phản hồi từ CMHS	110	2 (1,7)	4 (3,4)	43 (36,8)	61 (52,1)	3,48 (0,66)	1
3. Xem xét mức độ giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ CMHS	111	-	8 (6,8)	52 (44,4)	51 (43,6)	3,39 (0,62)	2
4. Xem xét việc tạo dựng được mối quan hệ tin tưởng với CMHS	112	2 (1,7)	7 (6,0)	54 (46,2)	49 (41,9)	3,34 (0,68)	3
5. Theo dõi hiệu quả qua hồ sơ, biên bản tổ chức phối hợp với CMHS	112	1 (0,9)	9 (7,7)	54 (46,2)	48 (41,0)	3,33 (0,66)	4
6. Khen thưởng cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phối hợp	110	8 (6,8)	11 (9,4)	51 (43,6)	40 (34,2)	3,12 (0,86)	6
Điểm trung bình chung						3,28 (0,54)	

Chú thích: TB= Trung bình, TS= Tần số, \bar{X} = Điểm trung bình, s = Độ lệch chuẩn, TH = Thứ hạng

Theo Bảng 4 cho thấy kết quả tự đánh giá về kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS đạt mức độ khá ($\bar{X} = 3,28, s = 0,54$). Đây là chức năng được xếp thứ hai trong bốn chức năng quản lí. Trong đó, có bốn hoạt động được đánh giá ở mức tốt và hai hoạt động được đánh giá ở mức khá. Các hoạt động được đánh giá ở mức tốt là: “Lắng nghe ý kiến phản hồi từ CMHS” ($\bar{X} = 3,48, s = 0,66$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 52,1% tốt, 36,8% khá, 3,4% trung bình, 1,7% yếu; “Xem xét mức độ giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ CMHS” ($\bar{X} = 3,39, s = 0,62$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 43,6% tốt, 44,4% khá, 6,8% trung bình; “Xem xét việc tạo dựng được mối quan hệ tin tưởng với CMHS” ($\bar{X} = 3,34, s = 0,68$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 41,9% tốt, 46,2% khá, 7,7% trung bình, 0,9% yếu; “Theo dõi hiệu quả qua hồ sơ, biên bản tổ chức phối hợp với CMHS” ($\bar{X} = 3,33, s = 0,66$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 41,0% tốt, 46,2% khá, 7,7% trung bình, 0,9% yếu. Các hoạt động được đánh giá ở mức khá là: “Giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp với CMHS” ($\bar{X} = 3,19, s = 0,67$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 31,6% tốt, 49,6% khá, 13,7% trung bình; “Khen thưởng cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phối hợp” ($\bar{X} = 3,12, s = 0,86$), với từng mức độ được đánh giá cụ thể là 34,2% tốt, 43,6% khá, 9,4% trung bình, 6,8% yếu.

Như vậy, chức năng tổ chức hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS thuộc các trường THCS tại thành phố Tân An hiện nay ở mức khá. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận khách thể khảo sát đánh giá thấp các hoạt động lần lượt như sau: “Khen thưởng cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phối hợp” (chiếm 16,2%), “Giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ phối hợp với CMHS” (chiếm 13,7%), “Theo dõi hiệu quả qua hồ sơ, biên bản tổ chức phối hợp với CMHS” (chiếm 8,6%), “Xem xét việc tạo dựng được mối quan hệ tin tưởng với CMHS” (chiếm 7,7%), “Xem xét mức độ giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ CMHS” (chiếm 6,8%) và “Lắng nghe ý kiến phản hồi từ CMHS” (chiếm 5,1%). Vì vậy, cần phải có biện pháp để công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

2.3.5. Mối quan hệ giữa các chức năng quản lý hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS (xem Bảng 5)

Bảng 5. Kết quả mối tương quan điểm số (Pearson) giữa các chức năng quản lý hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS

Chức năng quản lý	\bar{X} (s)	1	2	3	4
1. Lập kế hoạch	3,19 (0,61)	-	0,578**	0,689**	0,564**
2. Tổ chức	3,29 (0,57)		-	0,597**	0,471**
3. Chỉ đạo	3,16 (0,62)			-	0,722**
4. Kiểm tra, đánh giá	3,28 (0,54)				-

Chú thích: ** = Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01 (2 đuôi)

Theo Bảng 5, kết quả tương quan được thể hiện cụ thể như sau: “Lập kế hoạch” có mối tương quan dương ở mức trung bình với “Tổ chức” ($r = 0,578$), “Chỉ đạo” ($r = 0,689$), “Kiểm tra, đánh giá” ($r = 0,564$). “Tổ chức” có mối tương quan dương ở mức trung bình với “Chỉ đạo” ($r = 0,597$); ở mức thấp với “Kiểm tra, đánh giá” ($r = 0,471$). “Chỉ đạo” có mối tương quan dương ở mức cao với “Kiểm tra, đánh giá” ($r = 0,722$). Điều này có nghĩa là nếu điểm số của “Lập kế hoạch” tăng thì điểm số của “Tổ chức”, “Chỉ đạo” và “Kiểm tra, đánh giá” cũng tăng theo và ngược lại. Do đó cần có sự tác động đồng bộ các chức năng quản lý để mang lại hiệu quả cao hơn trong hoạt động phối hợp GDĐĐHS THCS giữa GVCN và CMHS.

3. Kết luận

Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và CMHS về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS thuộc các trường THCS tại thành phố Tân An, tỉnh Long An ở mức khá tốt. Những chức năng được đánh giá ở mức tốt gồm: “Tổ chức” và “Kiểm tra, đánh giá” hoạt động phối hợp giữa GVCN và CMHS. Những chức năng được đánh giá ở mức khá gồm: “Chỉ đạo” và “Lập kế hoạch” hoạt động phối hợp giữa GVCN và CMHS. Kết quả này gợi ý cho các nhà giáo dục và quản lý giáo dục tìm ra các biện pháp hữu hiệu hơn cho việc quản lý hoạt động phối hợp GDĐĐHS giữa GVCN và CMHS ở các trường THCS.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Congress (2019). *Luật giáo dục số 43/2019/QH14 [Education Law No.43/2019/QH14]*. (Issued by resolution No.43/2019/QH14 dated June 14, 2019). Hanoi.
- Dang, Q. B., & Nguyen, T. V. (2011). *Quan li nha truong [School management]*. Hanoi: Vietnam Education Publishing House.
- Hinkle, D. E., Wiersma, W., & Jurs, S. G. (2003). *Applied statistics for the behavioral sciences 5th ed.*, Houghton Mifflin College Division.
- Ministry of Education and Training (2018a). *Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [Standarads for principals of general education institutions]* (Issued under Circular No.14/2018/TT-BGDĐT dated July 20, 2018). Hanoi.
- Ministry of Education and Training (2018b). *Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [Professional standarads for teachers of general education institutions]* (Issued under Circular No.20/2018/TT-BGDĐT dated August 22, 2018). Hanoi.
- Ministry of Education and Training (2020). *Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [Regulations for junior high schools, high schools and high schools with many levels of education]* (Issued under Circular No.32/2020/TT-BGDĐT dated September 15, 2020). Hanoi.
- Nguyen, T. M. L. (2021). *Quan li hoat dong phoi hop giao duc dao duc hoc sinh giua giao vien chu nhiem va cha me hoc sinh o cac truong Trung hoc co so Quan 9, Thanh pho Ho Chi Minh [Management of coordination activities in student moral education between homeroom teachers and students' parents in junior high schools in District 9, Ho Chi Minh City]*. Luan van Thac si Khoa hoc giao duc chuyen nganh Quan li giao duc, Truong Dai hoc Sai Gon [Master's thesis in Education Science specialized in Educational Management, Saigon University].
- Tang, T. T. T. (2016). *Quan li hoat dong phoi hop giua nha truong va gia dinh o cac truong Trung hoc co so ngoai cong lap tai Quan 7 Thanh pho Ho Chi Minh [Management of coordinated activities between schools and families in non-public secondary schools in District 7 of Ho Chi Minh City]*. Luan van Thac si Khoa hoc giao duc chuyen nganh Quan li giao duc [Master's thesis in Educational Science specialized in Education Management, Ho Chi Minh City University of Education].
- The central executive committee of the Communist Party of Vietnam (2013). *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã được Hội nghị trung ương 8 (khoa XI) thông qua [Fundamentally and comprehensively renovate education and training to meet the requirements of industrialization and modernization in the context of a socialist-oriented market economy and international integration was approved by the 8th Central Conference]*. (Issued under The resolution No.29-NQ/TW dated November 4, 2013). Hanoi.
- Tran, K., & Nguyen, X. T. (2012). *Dai cuong khoa hoc quan li va quan li giao duc [General management science and educational management]*. Hanoi: Pedagogical University Publishing House.

**THE CURRENT SITUATION OF MANAGEMENT OF COLLABORATION
FOR MORAL EDUCATION BETWEEN HOMEROOM TEACHERS
AND STUDENTS' PARENTS IN JUNIOR HIGH SCHOOLS
IN TAN AN CITY, LONG AN PROVINCE**

***Du Thong Nhat*^{1*}, *Duong Nguyen Quoc*²**

¹*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

²*Department of Education and Training in Tan An City, Long An province, Vietnam*

**Corresponding author: Du Thong Nhat – Email: nhatdt@hcmue.edu.vn*

Received: June 23, 2021; Revised: March 23, 2022; Accepted: May 30, 2022

ABSTRACT

Moral education for students is one of the crucial tasks of general education. For effective ethics education, the management of cooperation between schools and families is indispensable. Therefore, it is necessary to find out the current management situation of collaboration for moral education between homeroom teachers and students' parents at junior high schools. The article presents the research findings in Tan An city, Long An province. The findings showed that four management functions were evaluated with pretty good performance.

Keywords: coordination; junior high school students; management; moral education